

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 43

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản (“BDS”), dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 2W, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2022
Ông Bùi Ngọc Đức	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thái	Thành viên	
Ông Hà Đức Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Phạm Anh Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy Ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2022
Ông Nguyễn Phạm Anh Tài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2022
Ông Hà Đức Hiếu	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Ngọc Đức	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Trí Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hào	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thanh Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Ngọc Đức.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng ; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Bùi Ngọc Đức
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày tháng năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2022
TẠI NGÀY 30/06/2022**

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.778.503.828.930	4.368.370.397.220
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	101.212.991.680	330.872.484.671
1. Tiền	111		21.212.991.680	210.872.484.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	120.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.230.000.000	15.230.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	15.230.000.000	15.230.000.000
IV. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.008.602.200.239	2.083.330.966.785
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	208.811.587.921	203.258.295.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	291.091.791.671	159.879.090.872
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	20.760.934.820	2.035.934.820
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	529.935.798.788	1.760.705.558.620
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.997.912.961)	(42.547.912.961)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	1.649.739.301.127	1.923.712.112.635
1. Hàng tồn kho	141		1.649.739.301.127	1.923.712.112.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.719.335.884	15.224.833.129
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.503.212.908	15.224.833.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.216.122.976	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2022
TẠI NGÀY 30/06/2022**

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.712.980.470.460	10.445.270.248.427
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.530.463.000	3.655.463.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	2.125.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216		1.530.463.000	1.530.463.000
II. Tài sản cố định	220		8.324.342.651	9.999.381.646
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6.730.208.242	7.893.830.816
<i>Nguyên giá</i>	222		26.784.649.543	26.522.484.087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.054.441.301)	(18.628.653.271)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.594.134.409	2.105.550.830
<i>Nguyên giá</i>	228		8.883.412.007	8.883.412.007
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.289.277.598)	(6.777.861.177)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	66.769.397.447	69.455.197.484
<i>Nguyên giá</i>	231		73.250.101.616	75.492.863.966
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.480.704.169)	(6.037.666.482)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.622.327.086	1.892.724.995
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.622.327.086	1.892.724.995
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.536.436.617.314	10.214.281.720.358
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	11.373.229.460.682	10.232.358.927.425
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	166.496.340.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.289.183.368)	(18.077.207.067)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		76.297.322.962	145.985.760.944
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	74.856.515.415	140.017.742.751
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	50.807.547	4.578.018.193
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.390.000.000	1.390.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.491.484.299.390	14.813.640.645.647

**DAT XANH GROUP****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**

2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2022
TẠI NGÀY 30/06/2022

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.995.774.784.114	7.233.658.255.753
I. Nợ ngắn hạn	310		1.967.856.766.201	4.669.208.594.026
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	119.981.858.110	123.702.688.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	5.080.754.339	432.301.815.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	224.027.163.820	251.146.684.265
4. Phải trả người lao động	314		10.052.907.995	8.578.224.968
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	72.433.371.627	25.904.726.686
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	3.452.037.762	24.875.742.042
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	208.187.859.389	1.421.335.952.745
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	1.272.845.813.438	2.352.127.280.387
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.794.999.721	29.235.478.614
II. Nợ dài hạn	330		4.027.918.017.913	2.564.449.661.727
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	2.748.452.938.366	2.001.477.389.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	1.279.465.079.547	562.972.272.727
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.495.709.515.276	7.579.982.389.894
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	8.495.709.515.276	7.579.982.389.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.092.768.760.000	5.977.730.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.092.768.760.000	5.977.730.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.419.700.806	10.677.980.806
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.500.560.000)	(2.500.560.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.091.658.398	76.946.451.831
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.249.929.956.072	1.517.128.037.257
- LN sau thuế chưa phân phối năm trước	421a		1.459.265.020.840	129.304.748.742
- LN sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		790.664.935.232	1.387.823.288.515
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.491.484.299.390	14.813.640.645.647

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THANH THẢO



Ngày tháng năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGỌC ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 02a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.019.290.347	5.570.546.521	778.785.586.409	94.136.359.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	22.019.290.347	5.570.546.521	778.785.586.409	94.136.359.905
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	14.416.500.447	4.743.969.734	367.882.436.384	13.179.164.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.602.789.900	826.576.787	410.903.150.025	80.957.195.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.921.168.135	1.523.077.332.531	703.434.523.029	1.524.817.419.835
7. Chi phí tài chính	22	6.4	55.830.586.430	(26.403.457.802)	103.729.059.767	2.765.805.869
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.131.713.086	47.330.520.418	113.572.295.277	72.995.658.893
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.964.622.160	2.063.320.298	70.938.777.259	3.463.267.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	89.547.028.800	50.560.482.335	120.803.966.195	83.939.226.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(139.818.279.355)	1.497.683.564.487	818.865.869.833	1.515.606.315.087
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.043.579.607	330.529.003	2.142.958.770	1.563.869.139
12. Chi phí khác	32	6.8	565.885.657	296.488.845	577.260.803	296.488.845
13. Lợi nhuận khác	40		1.477.693.950	34.040.158	1.565.697.967	1.267.380.294
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(138.340.585.405)	1.497.717.604.645	820.431.567.800	1.516.873.695.381
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(20.891.897.606)	240.427.403.774	25.239.421.922	245.618.159.873
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		89.584.157	(562.826.468)	4.527.210.646	(999.050.978)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(117.538.271.956)	1.257.853.027.339	790.664.935.232	1.272.254.586.486

Ngày tháng năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH HƯƠNG

BÙI THANH THẢO

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>820.431.567.800</i>	<i>1.516.873.695.381</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.652.486.747	3.450.479.489
- Các khoản dự phòng	03		(15.338.023.699)	(110.199.756.884)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(703.277.266.148)	(1.492.532.679.949)
- Chi phí lãi vay	06		118.343.453.330	79.807.249.533
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>222.812.218.030</i>	<i>(2.601.012.430)</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.092.614.651.201	113.166.451.495
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		273.972.811.508	(60.958.727.399)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(980.358.273.286)	(170.462.094.889)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		78.882.847.557	(15.883.912.524)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.686.739.728)	(48.460.142.164)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.287.907.199)	(2.144.374.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.158.288.743)	(8.442.556.066)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>609.791.319.340</i>	<i>(195.786.368.358)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.692.094.286)	(2.012.977.271)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.639.814	2.268.175.984
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.600.000.000)	(440.569.700.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	80.213.178.897
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.806.874.903.257)	(4.840.724.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		499.528.230.000	4.734.867.548.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		702.587.315.398	8.538.138.444
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(631.950.812.331)</i>	<i>(457.419.635.946)</i>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính riêng

**DAT XANH GROUP**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẤT XANH

2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		70.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	-	1.815.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(277.500.000.000)	(226.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(207.500.000.000)	1.589.900.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(229.659.492.991)	936.693.995.696
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	330.872.484.671	126.085.142.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	101.212.991.680	1.062.779.138.039

Ngày tháng năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THANH THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGỌC ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đất Xanh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Địa ốc Đất Xanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty Cổ Phần số 0303104343 ngày 15/04/2022 là 6.092.768.760.000 đồng.

Trụ sở chính được đặt tại số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1.	Công Ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (“DXS”)	Kinh doanh BĐS	60,33	60,33
2.	Công ty Cổ phần Vicco Sài Gòn (“Vicco Sài Gòn”) ⁽¹⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
3.	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Miền Bắc (“DXI”) (trước đây là Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Đất Xanh) ⁽¹⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,90	99,90
4.	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh BĐS Hà An (“Hà An”)	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
5.	Công ty Cổ Phần Sài Gòn Riverview (“Sài Gòn Riverview”) ⁽¹⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
6.	Công ty TNHH MTV Đất Xanh Tech	Công nghệ thông tin	100	100
7.	Công ty TNHH Đất Xanh Finance	Kinh doanh BĐS	100	100
8.	Công ty TNHH Athena Invest	Kinh doanh BĐS	100	100
9.	Công ty TNHH Patheon Holdings	Kinh doanh BĐS	100	100
10.	Công ty TNHH Đầu Tư DIIG	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
11.	Công ty Cổ Phần Xây Dựng E&C	Xây dựng	75,79	75,79

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
12.	Công Ty CP Đầu Tư và Dịch Vụ Đất Xanh Miền Nam (“Đất Xanh Miền Nam”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	39,21	65
13.	Công Ty CP Dịch Vụ Và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc (“Đất Xanh Miền Bắc”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	38,30	63,50
14.	Công Ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung (“Đất Xanh Miền Trung”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	55
15.	Công ty Cổ phần DV và ĐT Đất Xanh Miền Tây (“Đất Xanh Miền Tây”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	36,80	61
16.	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Nam Bộ Invest ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	38,00	63
17.	Công Ty CP Công nghệ BĐS Việt Nam (TERA) ⁽¹⁾	Công nghệ thông tin	30,76	50,99
18.	Công ty CP PT Địa Ốc Nam Trung Bộ ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	42,83	71
19.	Công ty CP DXMD Việt Nam ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	36,80	61
20.	Công ty CP Công Nghệ Ihouzz ⁽¹⁾	Công nghệ thông tin	32,30	53,54
21.	Công ty CP DV Tài Chính BĐS Tulip ⁽¹⁾	Dịch vụ tài chính	36,20	60
22.	Công ty CP Bất Động Sản Linkgroup ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	48,55	80,47
23.	Công ty CP Đất Xanh Premium (“Premium”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	35,59	59
24.	Công ty CP Bất Động Sản Đất Xanh Plus ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	55
25.	Công ty Cổ Phần DV Bất Động Sản Quốc tế ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	39,15	64,90
26.	Công ty Cổ phần Địa Ốc Viethomes (“Viethomes”) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,54	51
27.	Công ty Cổ phần BĐS S-Homegroup (trước đây là Công ty CP Địa Ốc Vinhomes) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,33	87
28.	Công ty Cổ Phần BĐS Bắc Trung Bộ ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,54	51
29.	Công ty Cổ phần BĐS Duyên Hải (“Đất Xanh Duyên Hải”) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,54	51
30.	Công ty Cổ Phần DV Quản Lý Tài sản và Đầu tư Asahi Japan ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,73	51,52
31.	Công ty CP Bất Động Sản Bắc Bộ ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,54	51
32.	Công ty CP DV và ĐT BDS Kinh Bắc ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	21,95	57,30
33.	Công ty Cổ Phần DV và ĐT BĐS Hùng Vương ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	20,78	54,26
34.	Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư S-Advices ⁽²⁾	Hoạt động tư vấn quản lý	37,79	98,66



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
35.	Công ty TNHH Tư Vấn S-Media ⁽²⁾	Quảng cáo	37,93	99
36.	Công ty TNHH Nhà Ở Ngay Việt Nam ⁽²⁾	Tư vấn, môi giới, đầu giá	37,93	99
37.	Công ty TNHH S-O Farm ⁽²⁾	Trồng trọt, chăn nuôi	37,76	98,57
38.	Công ty TNHH Công Nghệ S-Tech ⁽²⁾	Xuất bản phần mềm	38,31	100
39.	Công ty Cổ Phần Đô Thị Thông Minh Việt Nam ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,92	51
40.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Nam Miền Trung (“Đất Xanh Nam Miền Trung”) ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,92	51
41.	Công ty TNHH MTV Smart City ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	100
42.	Công ty CP Phát Triển Bất Động Sản Emerald ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,92	51
43.	Công ty TNHH MTV Phát Triển Đô Thị Quảng Ngãi ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	100
44.	Công ty TNHH PT Đô Thị Quảng Bình ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	100
45.	Công ty TNHH Regal Food ⁽²⁾	Kinh doanh lương thực và thực phẩm	33,18	100
46.	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Sai Gon Real (“Saigon Real”) ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	23,53	60
47.	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ City Real (“City Real”) ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	23,53	60
48.	Công ty TNHH Đất Mới Minh Hưng ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	39,21	100
49.	Công ty CPĐT và DV BĐS Bình Nguyên Res ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,99	51
50.	Công ty CPĐT và DV BĐS Central Real ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	21,19	51
51.	Công ty CPĐT và DV BĐS Mekong Real ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,99	51
52.	Công ty TNHH Xây Dựng TM DV Hà Thuận Hùng ⁽⁵⁾ (“Hà Thuận Hùng”)	Xây dựng	99,98	99,98
53.	Công ty Cổ phần In Nông Nghiệp ⁽⁵⁾ (“In Nông Nghiệp”)	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
54.	Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Viễn Đông ⁽⁵⁾ (“Vidoland”)	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99
55.	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside ⁽⁵⁾ (“Sài Gòn Riverside”)	Kinh doanh BĐS	74,99	74,99
56.	Công ty Cổ phần Dầu Khí Thăng Long ⁽⁵⁾ (“Thăng Long Petrol”)	Kinh doanh BĐS	99,90	99,90
57.	Công ty TNHH Charm & CI Việt Nam ⁽⁵⁾	Đầu tư KD Bất Động Sản	99,99	100
58.	Công ty CP Đầu Tư BĐS Tây Nam Bộ ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,99	100



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
59.	Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Hà An Land ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,99	100
60.	Công ty Cổ Phần ĐT KD BĐS Đông Nam Bộ ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,99	100
61.	Công ty Cổ Phần Hội An Invest (“Đất Xanh Hội An”) ⁽⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	100
62.	Công ty CP Đầu tư BDS Miền Đông ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,99	100
63.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phước Sơn ⁽⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	100
64.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Diamond Tower ⁽⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	99,98
65.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Ruby Tower ⁽⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	99,98
66.	Công ty Cổ Phần Bất Động sản Cần Thơ ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,77	51
67.	Công ty Cổ Phần DV Bất Động Sản Nam Miền Tây ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,77	51
68.	Công ty CP Bất động sản Bắc Miền Tây ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,77	51
69.	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bất Động Sản Duyên Hải Miền Tây ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,77	51
70.	Công ty Cổ Phần Cửu Long Homes ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,77	51
71.	Công ty BĐS VN Smarthomes ⁽⁶⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	20,79	56,48
72.	Công ty Cổ Phần BĐS Ecohome ⁽⁸⁾	Kinh doanh BĐS - Xây dựng	48,55	100
73.	Công Ty CP Dịch vụ và Đầu tư Linkland ⁽⁸⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	24,76	51
74.	Công Ty TNHH Đầu Tư Linkland ⁽⁸⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	48,55	100
75.	Công ty TNHH ĐT XD Ngọc Lễ ⁽⁸⁾	Xây dựng	36,41	75
76.	Công ty TNHH Nông Nghiệp Lifarm ⁽⁸⁾	Nông nghiệp	48,55	100
77.	Công ty Cổ Phần Propcom ⁽⁹⁾	Công nghệ thông tin	31,97	99
78.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản LinkHouse Tây Nam ⁽¹⁰⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	12,63	51
79.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản LinkHouse Miền Trung ⁽¹⁰⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	12,63	51
80.	Công ty Cổ Phần ĐT Bất Động Sản Thuận Thiên Phát ⁽¹⁰⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	24,76	100
81.	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Dịch Vụ Môi Giới Ohio ⁽¹⁰⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	17,41	70,31
82.	Công ty Cổ Phần Xây Dựng FBV ⁽¹¹⁾	Xây dựng	64,79	61,74
83.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản LinkHouse ⁽¹²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	24,76	51
84.	Công ty TNHH Smart Property ⁽¹³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,18	100
85.	Công Ty CP Đầu Tư Dầu Khí Nha Trang ⁽¹⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,84	99,87
86.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Đồng Nai ⁽¹⁴⁾	Kinh doanh BĐS	99,8	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
87.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Bình Phước ⁽¹⁴⁾	Kinh doanh BĐS	99,97	99,75
88.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Bình Thuận ⁽¹⁴⁾	Kinh doanh BĐS	99,97	99,75
89.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đồng Nai ⁽¹⁵⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	100
90.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư DN Premium ⁽¹⁶⁾		18,15	51
91.	Công ty CP BĐS City Invest ⁽¹⁷⁾	Kinh doanh BĐS	33,52	55
92.	Công ty CP Địa Ốc Tây Nguyên ⁽⁷⁾	Kinh doanh BĐS	36,17	51

- (1) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty DXS.
- (2) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Đất Xanh Miền Bắc.
- (3) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Đất Xanh Miền Trung.
- (4) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Đất Xanh Miền Nam.
- (5) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hà An.
- (6) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Đất Xanh Miền Tây.
- (7) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Nam Trung Bộ.
- (8) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Linkgroup
- (9) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Công nghệ thông tin BDS Việt Nam
- (10) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty LinkHouse
- (11) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty E&C
- (12) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Linkland
- (13) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Smart city
- (14) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hà Thuận Hùng
- (15) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hội An Invest
- (16) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Premium
- (17) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty DXMD

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm:

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại để trình bày các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán, Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

d. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự kiểm soát của Công ty (công ty mẹ). Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con.

Trường hợp Công ty tạm thời nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại đơn vị nhưng không dự định thực thi quyền biểu quyết do mục đích đầu tư là mua – bán công cụ vốn để kiếm lời thì không theo dõi khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty con.

Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con vẫn được ghi nhận là đầu tư vào công ty con trong các trường hợp sau:

- Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

e. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**f. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

g. Phương pháp ghi nhận và lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính trên được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của các khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này kế toán theo bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, trường hợp này kế toán theo bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí.

4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xác định các khoản nợ phải thu khó đòi có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên ba (3) năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

Phần mềm, website và tài sản vô hình khác	03 - 06 năm
---	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và nhà của các căn hộ thương mại do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì đánh giá giảm nguyên giá và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

4.8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Cơ sở tính thuế của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai.

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh các khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

Thuế suất áp dụng khi tính thuế thu nhập hoãn lại là mức thuế suất có hiệu lực tại thời điểm dự kiến sẽ hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập các Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày các Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi các Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho các Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**4.10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8%.
- Bảo hiểm tai nạn được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế và 20 lần mức lương tối thiểu vùng đối với bảo hiểm thất nghiệp.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

4.12. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau khi ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính/ vốn hóa theo phương pháp đường thẳng.

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thắng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**4.13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay và chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa và ghi nhận vào nguyên giá của các tài sản này.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

4.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm:

- Dự phòng phải trả tái cơ cấu doanh nghiệp;
- Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm;
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;
- Dự phòng phải trả khác.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

4.17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành, Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4.20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư;
- Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ;
- Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động;
- Chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư.

4.21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

4.22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**4.24. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu và trình bày****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ, Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Tiền mặt	291.045.304	245.153.591
Tiền gửi ngân hàng	20.921.946.376	210.627.331.080
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	80.000.000.000	120.000.000.000
Tổng cộng	101.212.991.680	330.872.484.671

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại các ngân hàng.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Phải thu khách hàng mua căn hộ	126.710.793.427	114.447.776.544
Phải thu khách hàng khác	82.100.794.494	88.810.518.890
Tổng cộng	208.811.587.921	203.258.295.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(329.597.738)	(879.597.738)
Giá trị thuần	208.481.990.183	202.378.697.696

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4	91.490.048.921	91.490.048.921
Công Ty TNHH Đầu Tư & PT Du Lịch Khang Hưng	126.000.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn và thương mại Thăng Long	47.385.634.545	47.385.634.545
Công ty Cổ Phần FPT	13.770.844.185	-
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	12.445.264.020	21.003.407.406
Tổng cộng	291.091.791.671	159.879.090.872
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(840.015.000)	(840.015.000)
Giá trị thuần	290.251.776.671	159.039.075.872

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
	20.760.934.820	2.035.934.820
Tổng cộng	20.760.934.820	2.035.934.820

Chi tiết khoản cho vay các bên liên quan như sau:

Bên vay	Tại ngày 30/06/2022	Hình thức đảm bảo
Công ty CP Dầu Khí Nha Trang	2.035.934.820	Tín chấp
Công ty CP Sài Gòn Riverview	18.725.000.000	Tín chấp
	20.760.934.820	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**5.6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Góp vốn hợp tác kinh doanh	139.646.377.826	139.646.377.826
Tạm ứng đầu tư	71.980.914.000	71.980.914.000
Phải thu về góp vốn	-	1.490.000.000.000
Tạm ứng nhân viên	10.969.332.751	10.998.882.222
Ký cược, ký quỹ	300.663.595.103	42.020.395.103
Phải thu lãi vay	1.649.503.545	822.502.331
Các khoản khác	5.026.075.563	5.236.487.138
Tổng cộng	529.935.798.788	1.760.705.558.620
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(40.828.300.223)	(40.828.300.223)
Giá trị thuần	489.107.498.565	1.719.877.258.397

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Bất động sản dở dang	1.585.687.748.930	1.882.909.856.021
Bất động sản thành phẩm	54.314.161.997	31.374.627.174
Công cụ, dụng cụ	760.397.288	450.636.528
Hàng hoá	8.976.992.912	8.976.992.912
Tổng cộng	1.649.739.301.127	1.923.712.112.635
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	1.649.739.301.127	1.923.712.112.635

5.8. Tăng, Giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	15.167.660.989	10.389.328.878	965.494.220	26.522.484.087
Mua trong kỳ	-	262.165.456	-	262.165.456
Thanh lý, Nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.167.660.989	10.651.494.334	965.494.220	26.784.649.543
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	(9.198.515.923)	(8.604.098.934)	(826.038.414)	(18.628.653.271)
Khấu hao trong kỳ	(832.913.657)	(567.302.403)	(25.571.970)	(1.425.788.030)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thanh lý, Nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	(10.031.429.580)	(9.171.401.337)	(851.610.384)	(20.054.441.301)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.969.145.066	1.785.229.944	139.455.806	7.893.830.816
Số dư cuối năm	5.136.231.409	1.480.092.997	113.883.836	6.730.208.242

5.9. Tăng, Giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Trang web	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.509.511.402	1.063.166.005	310.734.600	8.883.412.007
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang, Mua sắm tài sản	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.509.511.402	1.063.166.005	310.734.600	8.883.412.007
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	(5.724.085.578)	(743.040.999)	(310.734.600)	(6.777.861.177)
Khấu hao trong năm	(454.166.423)	(57.249.998)	-	(511.416.421)
Số dư cuối năm	(6.178.252.001)	(800.290.997)	(310.734.600)	(7.289.277.598)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.785.425.824	320.125.006	-	2.105.550.830
Số dư cuối năm	1.331.259.401	262.875.008	-	1.594.134.409

5.10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	75.492.863.966
Kết chuyển từ hàng tồn kho	-
Khác	-
Thanh lý	(2.242.762.350)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	73.250.101.616
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(6.037.666.482)
Khấu hao trong kỳ	(715.282.296)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thanh lý	272.244.609
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	(6.480.704.169)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>69.455.197.484</u>
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	<u>66.769.397.447</u>



DAT XANH GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.11. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con

Tình trạng hoạt động

Ngày 30/06/2022

Ngày 31/12/2021

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
Công ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	60.33	2.015.908.236.056	60.33	2.015.908.236.056
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh BĐS Hà An	99.99	8.976.991.224.626	99.99	7.476.991.224.626
Công ty CP Vicco Sài Gòn	99.99	-	99.99	264.605.025.849
Công ty CP Đầu tư BĐS Miền Bắc	99.90	-	99.90	51.704.440.894
Công ty CP Đất Xanh E&C	75.79	73.500.000.000	75.79	73.500.000.000
Công ty Cổ Phần Sài Gòn Riverview	100	-	100	349.650.000.000
Công ty TNHH TMV Đất Xanh Tech	100	8.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Athena Invest	100	640.000.000	-	-
Công ty TNHH Patheon Holdings	100	640.000.000	-	-
Công ty TNHH Đất Xanh Finance	100	50.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư DHG	85	297.500.000.000	-	-
Tổng cộng		11.373.229.460.682		10.232.358.927.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Công ty CP Sài Gòn Riverview	166.496.340.000	-
Tổng cộng	166.496.340.000	-

5.13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Chi phí hoa hồng, môi giới, nhà mẩu các dự án	71.850.827.628	137.642.905.823
Công cụ dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	3.005.687.787	2.374.836.928
Tổng cộng	74.856.515.415	140.017.742.751

5.14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tạm nộp tính trên doanh thu thu tiền của hoạt động chuyển nhượng BĐS các dự án	50.807.547	4.323.018.193
Tài sản thuế TNDN hoãn lại từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	255.000.000
Tổng cộng	50.807.547	4.578.018.193

5.15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Công ty TNHH Xây Dựng Bình Định	14.664.909.374	14.664.909.374
Công ty CP XD và Trang Trí Nội Thất Việt Nhật	10.585.808.724	12.293.618.112
Công ty TNHH XD và Xây lắp Điện Thế Minh	5.155.879.785	28.641.456.653
Công ty CP Xây Lắp và Vật tư Xây Dựng	10.988.895.277	10.988.895.277
Công ty CP Xây Dựng Phước Thành	7.146.670.704	7.146.670.704
Các khoản phải trả người bán khác	71.439.694.246	49.967.138.513
Tổng cộng	119.981.858.110	123.702.688.633

5.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước là các khoản khách hàng ứng trước tiền mua các căn hộ của các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2022
Thuế giá trị gia tăng	23.739.372.557	27.330.247.142	47.958.128.787	3.111.490.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.783.818.000	25.239.421.922	30.287.907.199	219.735.332.723
Thuế thu nhập cá nhân	2.623.493.708	8.545.825.383	9.988.978.906	1.180.340.185
Tổng cộng	251.146.684.265	60.685.304.392	88.235.014.892	224.027.163.820

5.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Chi phí trích trước để hoàn thành các dự án	40.517.634.533	10.106.212.504
Chi phí trích trước về lãi vay	13.677.589.033	13.970.786.909
Chi phí trích trước khác	18.238.148.061	1.827.727.273
Tổng cộng	72.433.371.627	25.904.726.686

5.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Doanh thu dịch vụ phát triển dự án	-	24.818.181.818
Doanh thu phí quản lý, cho thuê căn hộ	3.452.037.762	57.560.224
Tổng cộng	3.452.037.762	24.875.742.042
<i>Trong đó</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	3.452.037.762	24.875.742.042
<i>Dài hạn</i>	-	-

5.20. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Phải trả ngắn hạn khác		
Nhận góp vốn HĐHTKD	18.518.080.609	1.265.159.629.975
Phải trả các khoản đầu tư	2.286.551.337	52.326.114.777
Thu hộ tiền cho chủ đầu tư dự án	5.507.404.363	5.487.926.863
Nhận đặt cọc mua sản phẩm các dự án	625.387.336	3.425.387.336
Phí bảo trì, lệ phí trước bạ thu hộ của các dự án	12.428.754.247	432.295.089



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Phải trả cổ tức	80.034.700	80.034.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.956.604.562	15.855.121.052
Các khoản khác	158.785.042.235	78.569.442.953
	208.187.859.389	1.421.335.952.745
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.001.477.389.000	2.001.477.389.000
Nhận góp vốn HĐQT	746.975.549.366	-
	2.748.452.938.366	2.001.477.389.000
Tổng cộng	2.956.640.797.755	3.422.813.341.745

5.21. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Vay ngắn hạn ⁽¹⁾	1.272.845.813.438	2.352.127.280.387
- Vay trái phiếu	-	-
- Vay trái phiếu dài hạn đến hạn trả	463.345.813.438	185.127.280.387
- Vay ngân hàng, tổ chức	809.500.000.000	2.167.000.000.000
Vay dài hạn ⁽²⁾	1.279.465.079.547	562.972.272.727
- Vay dài hạn ngân hàng, tổ chức	1.080.000.000.000	-
- Trái phiếu	199.465.079.547	562.972.272.727
Tổng cộng	2.552.310.892.985	2.915.099.553.114
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.915.099.553.114	1.060.256.182.470
Tăng trong năm/kỳ	-	3.207.000.000.000
Giảm trong năm/kỳ	(367.500.000.000)	(1.355.600.000.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	(59.818.182)	(11.652.727.273)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	4.771.158.053	15.096.097.917
Số cuối năm/kỳ	2.552.310.892.985	2.915.099.553.114

Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2022 bao gồm các hợp đồng sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số dư tại ngày 30/06/2022</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<u>(1) Vay ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt (*)				
Ngày phát hành 28 tháng 05 năm 2019	234.000.000.000	5 năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Trả nợ gốc	(136.000.000.000)			
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.943.557.851)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	4.989.371.289			
	<u>97.045.813.438</u>			
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI				
Ngày phát hành 18 tháng 03 năm 2021	370.000.000.000	2 năm	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp
Chi phí phát hành trái phiếu	(11.100.000.000)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	7.400.000.000			
	<u>366.300.000.000</u>			
Công ty Cổ Phần Hội An Invest				
Khoản vay	809.500.000.000	3 năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	<u>809.500.000.000</u>			
<u>(2) Vay dài hạn</u>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Sơn				
Khoản vay	1.080.000.000.000	2 năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	<u>1.080.000.000.000</u>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

Ngày phát hành 31 tháng 12
năm 2021

200.000.000.000

4 năm

Bổ sung vốn lưu
động

Thế chấp

Chi phí phát hành trái phiếu

(612.545.455)

Phân bổ chi phí phát hành
trái phiếu

77.625.002

199.465.079.547

Tổng cộng

2.552.310.892.985

Khoản trái phiếu được tính theo lãi suất thị trường áp dụng theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(*) Đây là khoản huy động bằng việc phát hành 234 Trái phiếu Chuyển Đổi vào ngày 28/05/2019 (“Ngày phát hành”) theo mệnh giá bằng Việt Nam đồng cho nhà đầu tư Công ty TNHH Đầu Tư & Chứng Khoán Kis (với tư cách Nhà đầu tư đại diện cho Asam Vietnam Mezzanine Bond Balanced Hedge Fund 1). Gói Trái Phiếu Chuyển Đổi có tổng giá trị 234.000.000.000 đồng với mệnh giá là 1.000.000.000 đồng/ Trái Phiếu, sẽ đáo hạn vào ngày 28/05/2024 (“Ngày đáo hạn”) chịu lãi Trái Phiếu là 7%/năm và được trả sáu (6) tháng/lần. Trái phiếu không có tài sản đảm bảo và có thể được chuyển đổi thành cổ phần công ty sau một (1) năm kể từ ngày phát hành. Giá chuyển đổi ban đầu được xác định bằng 29.228 đồng/cổ phần và có thể được điều chỉnh. Do số lượng cổ phần có thể được chuyển đổi tại ngày đáo hạn trái phiếu chưa được xác định cụ thể tại ngày phát hành. Vì vậy, Công ty thực hiện việc ghi nhận kế toán trái phiếu chuyển đổi này như trái phiếu thường.

Tính đến ngày 31/12/2020 gói trái phiếu này đã đủ 18 (mười tám) tháng tính từ Ngày phát hành, và theo điều khoản 6.2 của Hợp đồng Đặt mua trái phiếu thì kể từ thời gian này một Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ chức phát hành mua lại trái phiếu mà người sở hữu Trái phiếu đó đang nắm giữ. Do vậy, Công ty chuyển khoản trái phiếu này từ dài hạn sang ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH

2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND
Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.200.346.670.000	10.677.980.806	(2.500.560.000)	76.946.451.831	906.688.558.742	6.192.159.101.379
Cổ tức bằng cổ phiếu	777.383.810.000	-	-	-	(777.383.810.000)	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.387.823.288.515	1.387.823.288.515
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.977.730.480.000	10.677.980.806	(2.500.560.000)	76.946.451.831	1.517.128.037.257	7.579.982.389.894
Cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.977.730.480.000	10.677.980.806	(2.500.560.000)	76.946.451.831	1.517.128.037.257	7.579.982.389.894
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	45.038.280.000	44.961.720.000	-	-	-	90.000.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	70.000.000.000	-	-	-	-	70.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(220.000.000)	-	-	-	(220.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	23.145.206.567	(23.145.206.567)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.717.809.850)	(34.717.809.850)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	790.664.935.232	790.664.935.232
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	6.092.768.760.000	55.419.700.806	(2.500.560.000)	100.091.658.398	2.249.929.956.072	8.495.709.515.276

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.977.730.480.000	5.200.346.670.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	115.038.280.000	777.383.810.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	6.092.768.760.000	5.977.730.480.000

c. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	609.276.876	597.773.048
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	609.276.876	597.773.048
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.747.486)	(1.747.486)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	607.529.390	596.025.562
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	100.091.658.398	76.946.451.831
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Doanh thu thành phẩm BĐS	15.350.286.859	-	626.488.289.597	-
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý, cho thuê	5.518.247.438	3.940.909.089	153.027.430.273	90.381.818.178
Doanh thu từ BĐS đầu tư	1.150.756.050	1.629.637.432	(730.133.461)	3.754.541.727
Tổng cộng	22.019.290.347	5.570.546.521	778.785.586.409	94.136.359.905

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Giá vốn của thành phẩm BĐS đã bán	10.121.606.851	-	351.438.158.836	-
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	-
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý, cho thuê	3.939.418.140	3.429.109.443	15.714.636.949	10.677.861.845
Giá vốn bán BĐS đầu tư	355.475.456	1.314.860.291	729.640.599	2.501.302.740
Tổng cộng	14.416.500.447	4.743.969.734	367.882.436.384	13.179.164.585

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II Năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Lãi tiền gửi, cho vay	1.921.168.135	5.426.801.323	3.415.246.751	7.166.888.627
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-	699.999.076.278	-
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	1.517.650.531.208	20.200.000	1.517.650.531.208
Tổng cộng	1.921.168.135	1.523.077.332.531	703.434.523.029	1.524.817.419.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6.4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Chi phí lãi vay	54.131.713.086	47.330.520.418	113.572.295.277	72.995.658.893
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.698.873.344	3.744.461.985	4.771.158.053	6.662.960.504
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(110.236.753.425)	(14.788.023.699)	(109.999.756.884)
Chi phí tài chính khác	-	32.758.313.220	173.630.136	32.809.683.084
Tổng cộng	55.830.586.430	(26.403.457.802)	103.729.059.767	2.765.805.869

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Chi phí nhân viên bán hàng	1.998.556.493	1.676.845.901	3.755.744.386	2.960.293.533
Chi phí môi giới	1.150.647.810	-	48.797.401.825	-
Chi phí quảng cáo	165.566.452	-	17.442.496.565	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.000.001	113.984.853	125.954.869	230.484.694
Chi phí bằng tiền khác	599.851.404	272.489.544	817.179.614	272.489.544
Tổng cộng	3.964.622.160	2.063.320.298	70.938.777.259	3.463.267.771

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	25.445.172.849	26.593.338.716	50.080.108.300	50.351.615.714
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	1.731.790.339	2.154.914.419	3.443.644.802	11.558.726.052
Chi phí dự phòng	-	-	(550.000.000)	(200.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.300.055.398	5.373.566.506	64.431.799.472	14.186.364.056
Chi phí bằng tiền khác	35.620.010.214	16.438.662.694	3.398.413.621	8.042.520.606
Tổng cộng	89.547.028.800	50.560.482.335	120.803.966.195	83.939.226.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6.7. Thu nhập khác

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Tiền phạt thu được	2.009.815.740	39.350.000	2.016.815.740	1.045.217.370
Thanh lý TSCĐ	-	290.909.091	-	518.181.818
Các khoản khác	33.763.867	269.912	126.143.030	469.951
Tổng cộng	2.043.579.607	330.529.003	2.142.958.770	1.563.869.139

6.8. Chi phí khác

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Chi phí phạt chậm nộp thuế	195.956.890	296.488.742	195.956.890	296.488.742
Các khoản khác	369.928.767	103	381.303.913	103
Tổng cộng	565.885.657	296.488.845	577.260.803	296.488.845

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay trong kỳ

	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	1.457.000.000.000
Thu từ phát hành trái phiếu	-	370.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(59.818.182)	(11.100.000.000)
Tổng cộng	(59.818.182)	1.815.900.000.000

7.2. Số tiền đã trả gốc vay trong kỳ

	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	277.500.000.000	-
Trả nợ gốc trái phiếu	-	226.000.000.000
Tổng cộng	277.500.000.000	226.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Thông tin về các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ này và kỳ trước Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế 2022</i>	<i>Lũy kế 2021</i>
DXS	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Thu hộ	19.477.500	-
		Phí môi giới phải trả	-	418.200.845
		Thanh toán tiền phí DV môi giới	526.656.912	418.200.845
Sài Gòn Riverview	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Cho vay	16.600.000.000	2.125.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	-	38.345.842.732
		Lãi vay	712.338.696	239.607.022
		Thu lãi vay	-	3.375.954.827
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Thu hồi tiền HTKD	-	11.704.426.422
		Thu tiền ký quỹ thương hiệu	-	100.000.000
Vicco Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	-	6.750.000.000
		Tiền thuê văn phòng	5.645.354.616	5.645.354.616
		Thanh toán tiền thuê văn phòng	-	5.645.354.616
Đất Xanh Miền Nam	Công ty con	Thu tiền ký quỹ	-	-
		Phí dịch vụ môi giới phải trả	476.222.143	820.846.923
		Thanh toán tiền phí dịch vụ môi giới	-	123.575.526.525
		Thu tiền đặt chỗ	-	23.800.000.000
DXI	Công liên kết	Cho vay	-	-
		Thu hồi tiền cho vay	-	41.867.336.165
		Lãi cho vay	-	1.666.944.818
		Thu tiền lãi vay	-	-
Đất Xanh Nam Trung Bộ		Thu hồi tiền HTKD	-	2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

		Thu tiền ký quỹ	50.000.000	-
Hội An Invest	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Hoàn trả tiền HTKD	499.526.000.000	-
		Lãi vay	49.526.917.808	-
Thăng Long Petrol	Công ty con	Hoàn tiền HTĐT	90.000.000	61.000.000
Sài Gòn Riverside	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Hoàn tiền HTĐT	-	167.000.000
Xuân Định	Công ty con	Hoàn tiền HTĐT	-	130.000.000
Viễn Đông	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Hoàn tiền HTĐT	50.000.000	755.000.000
Hà An	Công ty con	Góp vốn	1.490.000.000.000	131.974.000.000
		Doanh thu dịch vụ	126.374.545.455	90.381.818.178
		Thu tiền dịch vụ	137.510.000.000	97.975.000.000
		Hoàn tiền ký quỹ	-	91.000.000.000
		Tiền góp vốn ứng trước	-	3.150.000.000.000
		Phải thu tiền cổ tức	699.999.076.278	-
		Thu tiền cổ tức	699.999.076.274	-
Phước Sơn	Công ty con	Vay	-	-
		Lãi vay	28.642.191.781	-
DX Miền Tây	Công ty con	Thu tiền ký quỹ	-	100.000.000
In Nông Nghiệp	Công ty con	Hoàn tiền HTĐT	-	160.000.000
BDS Miền Đông	Công ty con	Thu tiền ký quỹ	-	550.000.000
Đất Xanh E&C	Công ty con	Góp vốn	-	52.000.000.000
		Thu tiền chuyển nhượng vốn	-	51.000.000.000
Đất Xanh Tech	Công ty con	Góp vốn	8.000.000.000	-
Athena Invest	Công ty con	Góp vốn	640.000.000	-
Pathcon Holdings	Công ty con	Góp vốn	640.000.000	-
Đất Xanh Finance	Công ty con	Góp vốn	50.000.000	-
Đầu tư DHG	Công ty con	Góp vốn	297.500.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc như sau:

	Lũy kế Năm 2022	Lũy kế Năm 2021
Lương và thưởng	11.915.876.201	13.086.157.303
Tổng cộng	11.915.876.201	13.086.157.303

8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THANH THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGỌC ĐỨC

